

**Công ty CP Chứng khoán
VNDIRECT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 848/2026/BC-QTRR

Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ từ ngày 01/08/2026 đến 31/08/2026 năm 2026 như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABT			ABT
3	ACB			ACB
4	ACC	ACC		
5	ACG			ACG
6	ACL			ACL
7	ADS			ADS
8	AGG			AGG
9	AGR			AGR
10	ANV			ANV
11	ASM			ASM



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
12	AST			AST
13	BAF			BAF
14	BCM			BCM
15	BFC			BFC
16	BIC			BIC
17	BID			BID
18	BMC			BMC
19	BMP			BMP
20	BSI			BSI
21	BSR			BSR
22	BVH			BVH
23	BWE			BWE
24	C32			C32
25	CCL			CCL
26	CDC			CDC
27	CHP			CHP
28	CII			CII
29	CKG			CKG
30	CLC			CLC
31	CLL			CLL
32	CMG			CMG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
33	CNG			CNG
34	CRC			CRC
35	CSM			CSM
36	CSV			CSV
37	CTD			CTD
38	CTF			CTF
39	CTG			CTG
40	CTI			CTI
41	CTR			CTR
42	CTS			CTS
43	CVT			CVT
44	D2D			D2D
45	DBC			DBC
46	DBD			DBD
47	DC4			DC4
48	DCL			DCL
49	DCM			DCM
50	DGW			DGW
51	DHA			DHA
52	DHC			DHC
53	DHG			DHG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
54	DIG			DIG
55	DMC			DMC
56	DPG			DPG
57	DPM			DPM
58	DPR			DPR
59	DRC			DRC
60	DSC			DSC
61	DSE			DSE
62	DSN			DSN
63	DVP			DVP
64	DXG			DXG
65	DXS			DXS
66	EIB			EIB
67	ELC			ELC
68	EVE			EVE
69	EVF			EVF
70	EVG			EVG
71	FCN			FCN
72	FIR			FIR
73	FIT			FIT
74	FMC			FMC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	FPT			FPT
76	FRT			FRT
77	FTS			FTS
78	GAS			GAS
79	GEE			GEE
80	GEG			GEG
81			GEL	GEL
82	GEX			GEX
83	GIL			GIL
84	GMD			GMD
85	GSP			GSP
86	GVR			GVR
87	HAG			HAG
88	HAH			HAH
89	HAX			HAX
90	HCD			HCD
91	HCM			HCM
92	HDB			HDB
93	HDC			HDC
94	HDG			HDG
95	HHP			HHP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
96	HHS			HHS
97	HHV			HHV
98			HPA	HPA
99	HPG			HPG
100	HPX			HPX
101	HQC			HQC
102	HSG			HSG
103	HT1			HT1
104	HTG			HTG
105	HTI			HTI
106	HTN			HTN
107	HUB			HUB
108	HVH			HVH
109	ICT			ICT
110	IDI			IDI
111	IJC			IJC
112	ILB			ILB
113	IMP			IMP
114	ITC			ITC
115	KBC			KBC
116	KDC			KDC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
117	KDH			KDH
118	KHG			KHG
119	KHP			KHP
120	KLB			KLB
121	KSB			KSB
122	LBM			LBM
123	LCG			LCG
124	LHG			LHG
125	LIX			LIX
126	LPB			LPB
127	LSS			LSS
128	MBB			MBB
129	MCH			MCH
130	MCM			MCM
131	MIG			MIG
132	MSB			MSB
133	MSH			MSH
134	MSN			MSN
135	MWG			MWG
136	NAB			NAB
137	NAF			NAF

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
138	NBB			NBB
139	NCT			NCT
140	NHA	NHA		
141	NHH			NHH
142	NKG			NKG
143	NLG			NLG
144	NNC			NNC
145	NO1			NO1
146	NSC			NSC
147	NT2			NT2
148	NTC			NTC
149	NTL			NTL
150	NVL			NVL
151	OCB			OCB
152	ORS			ORS
153	PAC			PAC
154	PAN			PAN
155	PC1			PC1
156	PDR			PDR
157	PET			PET
158	PGC			PGC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
159	PGD			PGD
160	PHC			PHC
161	PHR			PHR
162	PLX			PLX
163	PNJ			PNJ
164	POW			POW
165	PPC			PPC
166	PTB			PTB
167	PVD			PVD
168	PVP			PVP
169	PVT			PVT
170	RAL			RAL
171	REE			REE
172	SAB			SAB
173	SAM			SAM
174	SAV			SAV
175	SBA			SBA
176	SBG			SBG
177	SBT			SBT
178	SCR			SCR
179	SCS			SCS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
180	SFG			SFG
181	SFI			SFI
182	SGN			SGN
183	SGR			SGR
184	SGT			SGT
185	SHB			SHB
186	SHI			SHI
187	SIP			SIP
188	SJD			SJD
189	SJS			SJS
190	SKG			SKG
191	SMB			SMB
192	SRC			SRC
193	SSB			SSB
194	SSI			SSI
195	STB			STB
196	STK			STK
197	SVC			SVC
198	SZC			SZC
199	SZL			SZL
200	TAL			TAL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
201	TCB			TCB
202	TCH			TCH
203	TCI			TCI
204	TCL			TCL
205	TCM			TCM
206	TCO			TCO
207	TCX			TCX
208	TDC			TDC
209	TDM			TDM
210	THG			THG
211	TIP			TIP
212	TLG			TLG
213	TMS			TMS
214	TPB			TPB
215	TRA			TRA
216	TRC			TRC
217	TTA			TTA
218	TV2			TV2
219	TVS			TVS
220	VAB			VAB
221	VCB			VCB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
222	VCG			VCG
223	VCI			VCI
224	VCK			VCK
225	VDS			VDS
226	VFG			VFG
227	VGC			VGC
228	VHC			VHC
229	VHM			VHM
230	VIB			VIB
231	VIC			VIC
232	VIP			VIP
233	VIX			VIX
234	VJC			VJC
235	VNM			VNM
236	VOS			VOS
237	VPB			VPB
238	VPI			VPI
239	VPL			VPL
240	VPX			VPX
241	VRC			VRC
242	VRE			VRE

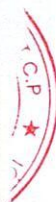
STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
243	VSC			VSC
244	VTO			VTO
245	VTP			VTP
246	VVS			VVS
247	YEG			YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	BAB			BAB
2	BVS			BVS
3	C69			C69
4	CAP			CAP
5	CDN			CDN
6	CEO			CEO
7	CSC			CSC
8	DHT			DHT
9	DL1			DL1
10	DNP			DNP
11	DP3			DP3

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
12	DTD			DTD
13	DVM	DVM		
14	DXP			DXP
15	HLD			HLD
16	HUT			HUT
17	HVT			HVT
18	IDC			IDC
19	IDV			IDV
20	IPA			IPA
21	IVS			IVS
22	KHS			KHS
23	KSV			KSV
24	L14			L14
25	L18			L18
26	LAS			LAS
27	LHC			LHC
28	LIG	LIG		
29	MBG			MBG
30	MBS			MBS
31	NAG			NAG
32	NBC			NBC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
33	NDN			NDN
34	NET			NET
35	NTP			NTP
36	PGS			PGS
37	PLC			PLC
38	PPT			PPT
39	PSD			PSD
40	PSI			PSI
41	PTI			PTI
42	PVB			PVB
43	PVC			PVC
44	PVG			PVG
45	PVI			PVI
46	PVS			PVS
47	S99			S99
48	SHS			SHS
49	SJE			SJE
50	SLS			SLS
51	SZB			SZB
52	TDT			TDT
53	TIG			TIG



STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
54	TMB			TMB
55	TNG			TNG
56	TPP			TPP
57	TVD			TVD
58	VC3			VC3
59	VC7			VC7
60	VCS			VCS
61	VFS			VFS
62	VGS			VGS
63	VNR			VNR
64	VTZ			VTZ

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:

https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập



Nguyễn Thị Mai Linh

Người duyệt



Nguyễn Lê Nam

Tổng Giám đốc



Nguyễn Vũ Long